

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, sửa chữa,
nâng cấp cơ sở vật chất Trường THCS&THPT Chiềng Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

*Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Xây dựng năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy
định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì
công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ
về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về
quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của
Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường
xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang
thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng
mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần
thiết khác;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng
hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư
số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương
pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông
tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số
định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 26/12/2023
của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD
ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng; Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày
30/5/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành
tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Sơn
La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số
1040/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, giao dự toán
thu, chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025 của các cơ quan, đơn vị khi sắp xếp, tổ chức
bộ máy; Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La ban
hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2025.*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 329/TTr-SXD ngày 18/7/2025, Thông báo kết quả thẩm định 2484/SXD-QLXD ngày 17/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THCS&THPT Chiềng Sơn, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THCS&THPT Chiềng Sơn.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Chủ đầu tư: Trường THCS&THPT Chiềng Sơn.

5. Tổ chức tư vấn lập báo cáo KT-KT: Công ty TNHH đầu tư và xây dựng DAH86; địa chỉ: Số nhà 83, đường 3-2, tổ 9, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

6. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Công tác sửa chữa nhằm đảm bảo và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo qui định của thiết kế trong suốt quá trình khai thác sử dụng. Tăng hiệu quả sử dụng, chống xuống cấp công trình và hoàn thiện cơ sở vật chất một cách toàn diện theo tiêu chuẩn đảm bảo duy trì hoạt động của đơn vị.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THCS&THPT Chiềng Sơn.

8.2. Giải pháp thiết kế sửa chữa chủ yếu:

8.2.1. Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng: Diện tích xây dựng $S=320m^2$, diện tích sàn $S=640m^2$.

- Bóc lớp vữa láng sê nô mái, vệ sinh, quét dung dịch chống thấm, láng lớp vữa xi măng mác 100; thay thế hệ thống thoát nước mái;

- Bóc lớp vữa trát tại các vị trí bong tróc (khoảng 40% diện tích tường, cột ngoài nhà; khoảng 30% diện tích tường trong nhà và khoảng 25% diện tích dầm, trần), trát lại bằng vữa xi măng mác 75; phần diện tích còn lại cạo lớp sơn bả; toàn bộ tường, trụ, cột, dầm, trần bả bột bả, lăn sơn 3 nước;

- Cạo bỏ lớp sơn cửa đi, cửa sổ, hoa sắt cửa; sơn lại bằng sơn tổng hợp 3 nước; thay thế một số ô kính, phụ kiện cửa bị hư hỏng;

- Tháo dỡ lan can cầu thang, hành lang đã hư hỏng, thay thế lan can bằng thép hộp định hình;

- Tháo dỡ lớp gạch lát nền, sàn; lát lại bằng gạch ceramic kích thước (60x60)cm;

- Bóc dỡ lớp láng granito cầu thang, bậc tam cấp, lát lại bằng đá granit tự nhiên;
- Sửa chữa, thay thế hệ thống điện trong và ngoài nhà, hệ thống dây điện đi chìm trong ống ghen (*công suất đảm bảo theo thiết kế đã được phê duyệt*);

8.2.2. Nhà bếp 1 tầng: Diện tích xây dựng $S=32,4m^2$

- Tháo dỡ mái lợp tôn đã hư hỏng; lợp lại mái bằng tôn $d=0,4mm$; bỏ sung trần nhựa tấm thả;

- Bóc lớp vữa láng sê nô mái, vệ sinh, quét dung dịch chống thấm, láng lớp vữa xi măng mác 100;

- Bóc lớp vữa trát tại các vị trí bong tróc trong và ngoài nhà (*khoảng 40% diện tích tường*), trát lại bằng vữa xi măng mác 75; phần diện tích còn lại cạo lớp sơn; toàn bộ tường bả bột bả, lăn sơn 3 nước;

- Cạo bỏ lớp sơn cửa đi, cửa sổ, hoa sắt cửa; sơn lại bằng sơn tổng hợp 3 nước;

- Tháo dỡ lớp gạch lát nền, lát lại bằng gạch chống trơn kích thước $(30 \times 30)cm$;

- Bóc dỡ lớp láng granito bậc tam cấp, lát lại bằng đá granit tự nhiên;

- Tháo dỡ, thay thế hệ thống điện chiếu sáng;

8.2.3. Xây mới nhà bảo vệ 1 tầng: Diện tích xây dựng $S=16,0m^2$

- Kích thước $(4,0 \times 4,0)m$; chiều cao từ cốt ± 0.000 đến đỉnh mái là $4,8m$; móng xây đá hộc vữa xi măng mác 75; dầm, gằng, sàn đổ bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*); tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát tường bằng vữa xi măng mác 50; trát dầm vữa xi măng mác 75; toàn bộ tường lăn sơn trực tiếp; cửa đi, cửa sổ bằng cửa khuôn nhôm, kính dày $6,38mm$; nền lát gạch Cramic $(60 \times 60)cm$; mái: xà gồ bằng tổ hợp thép hình, lợp tôn mái.

- *Cấp điện*: Nguồn điện cấp cho công trình được đấu nối từ nguồn điện hiện có; điện thấp sáng sử dụng đèn đèn tuýp led; phòng lắp đặt quạt trần; toàn bộ dây dẫn được đặt trong ống ghen mềm đi chìm tường

8.2.4. Nhà vệ sinh 01 tầng (số 1): Diện tích xây dựng $S=42,6m^2$,

- Tháo dỡ mái tôn, hệ thống xà gồ, bán kèo; nâng tường lên $0,5m$ so với tường hiện trạng bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50, tận dụng lại hệ thống xà gồ, bán kèo; thay thế mái tôn bằng tôn $0,4mm$;

- Phần mái bê tông bóc lớp vữa láng sê nô mái, vệ sinh, quét dung dịch chống thấm, láng lớp vữa xi măng mác 100;

- Bóc lớp vữa trát tường trong và ngoài nhà trừ phần diện tích ốp gạch, trát lại bằng vữa xi măng mác 75; toàn bộ tường lăn sơn trực tiếp 3 nước;

- Tháo dỡ gạch lát nền, gạch ốp tường cũ, lát lại nền bằng gạch chống trơn kích thước $(30 \times 30)cm$, ốp tường bằng gạch men kính kích thước $(60 \times 30)cm$; thay thế toàn bộ hệ thống đường ống cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh;

- Tháo dỡ và thay thế cửa đi bằng cửa khuôn nhôm, kính dày $6,38mm$;

- Tháo dỡ, thay thế hệ thống điện.

8.2.5. Nhà vệ sinh 01 tầng (số 2): Diện tích xây dựng $S=27,5m^2$.

- Phần mái bê tông bóc lớp vữa láng sê nô mái, vệ sinh, quét dung dịch chống thấm, láng lớp vữa xi măng mác 100;

- Bóc lớp vữa trát tường trong nhà trừ phần diện tích ốp gạch; bóc lớp vữa trát tường ngoài nhà, dầm, trần khoảng 40%, trát lại bằng vữa xi măng mác 75; phần diện tích còn lại cạo lớp sơn; toàn bộ tường lăn sơn trực tiếp 3 nước;

- Tháo dỡ gạch lát nền, gạch ốp tường cũ, lát lại nền bằng gạch chống trơn kích thước (30x30)cm, ốp tường bằng gạch men kính kích thước (60x30)cm; thay thế toàn bộ hệ thống đường ống cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh;

- Tháo dỡ và thay thế cửa đi bằng cửa khuôn nhôm, kính dày 6,38mm;

8.2.6. *Xây mới nhà vệ sinh 01 tầng (số 3):* Diện tích xây dựng $S=50m^2$,

- Kích thước (6,6x7,5)m; chiều cao từ cốt ± 0.000 đến đỉnh mái là 3,45m; móng xây đá hộc vữa xi măng mác 75; dầm, găng, sàn đổ bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát tường bằng vữa xi măng mác 50; trát dầm vữa xi măng mác 75; toàn bộ tường lăn sơn trực tiếp; cửa đi, cửa sổ bằng cửa khuôn nhôm, kính dày 6,38mm; nền lát gạch chống trơn (30x30), ốp tường bằng gạch men kính kích thước (30x60)cm; mái: xà gồ bằng tổ hợp thép hình, lợp tôn mái.

- *Cấp điện:* Nguồn điện cấp cho công trình được đấu nối từ nguồn điện hiện có; điện thấp sáng sử dụng đèn led; toàn bộ dây dẫn được đặt trong ống ghen mềm đi chìm tường.

- *Cấp nước:* Đấu nối từ nguồn nước hiện có của khu vực, bơm nước đến bể chứa nước, cấp lên bồn chứa, bể chứa nước trên mái, sau đó cấp xuống các khu vực trong tòa nhà, đảm bảo lưu lượng và áp lực.

- *Phân thoát nước khu vệ sinh:* Sử dụng ống PVC Φ 110; PCV Φ 90 và ống PCV Φ 34.

8.2.7. *Các hạng mục, chi tiết khác:* Theo hồ sơ thiết kế.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. *Số bước thiết kế:* 01 bước.

9.2. *Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu*

9.2.1. *Quy chuẩn:*

- QCXDVN 05-2008: Nhà ở và công trình công cộng-an toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;

- QCVN 09-2017: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

- QCVN 16-2023: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

- QCVN 06-2022: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- Quy chuẩn sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD Về an toàn cháy cho nhà và công trình;

9.2.2. Tiêu chuẩn:

- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng-Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4447-2012: Công tác đất-Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2024: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207-2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình dân dụng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo dưỡng;
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- TCVN 7447-2011 (IEC 60364-5-56:2009): Hệ thống lắp đặt điện hạ áp-Phần 5-56: lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện-Dịch vụ an toàn;
- TCVN 7447-2011 (IEC 60364-6:2006): Hệ thống lắp đặt điện hạ áp-Phần 6: kiểm tra;
- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5576-1991: Hệ thống thoát nước-Quy phạm quản lý kỹ thuật;
- TCXDVN 33-2006: Cấp nước-Mạng lưới đường ống và công trình-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7957-2023: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ;
- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;
- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;

- TCVN 3890-2023: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

- Nhiệm vụ thiết kế do Chủ đầu tư phê duyệt.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 3.500,0 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	3.037,348	triệu đồng
- Chi phí quản lý dự án	95,152	triệu đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD	286,727	triệu đồng
- Chi phí khác	29,600	triệu đồng
- Chi phí dự phòng	51,173	triệu đồng

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025.

12. Nguồn vốn, dự kiến bố trí kế hoạch vốn

- Nguồn vốn: Được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 và 1040/QĐ-UBND ngày 05/5/2025; Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ vốn tại Quyết định số 1318/QĐ-SGDĐT ngày 13/12/2024 và Quyết định số 105/QĐ-SGDĐT ngày 07/02/2025.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Ngân sách nhà nước	Tổng cộng
2025	3.500,0	3.500,0

13. Hình thức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

15. Các nội dung khác: Không có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trường THCS&THPT Chiềng Sơn (*chủ đầu tư*):

- Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

- Đóng dấu phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế-kỹ thuật

theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng

Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng Trường THCS&THPT Chiềng Sơn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Chủ đầu tư 5 bản.
- Lưu: VT, KGVX, Bắc.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân